

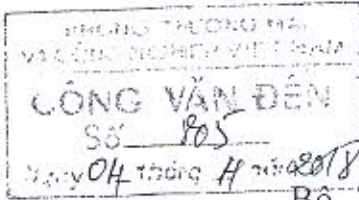
Số: 3693/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

V/v giảm tiền sử dụng đất năm

- Ban PC, HVĐT  
- VP Tổng hợp.

2011, 2012



Kính gửi: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 1 Mê Kông,  
Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP

*[Handwritten signature]*  
4/4/18

Bộ Tài chính nhận được Công văn số 1504/VPCP - ĐMDN ngày 09/2/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển Công văn số 56/CV-MK ngày 25/01/2018 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 1 Mê Kông, Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP về việc giảm tiền thuê đất năm 2011, 2012 cho Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP tại Km 07 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

TH  
MC

1. Về đối tượng, điều kiện được giảm tiền thuê đất trong 2011 và năm 2012

Căn cứ quy định tại Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế, Công văn số 17969/BTC-QLCS ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng được giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 là tổ chức kinh tế đang hoạt động trong các ngành sản xuất (không bao gồm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ) theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam

- Điều kiện được giảm tiền thuê đất theo điểm 2 Công văn số 17969/BTC-QLCS ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính; trong đó, tiền thuê đất được xác định lại theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ và lớn hơn 2 lần so với tiền thuê đất phải nộp năm 2010 sau khi đã trừ ưu đãi về giảm tiền thuê đất nếu có (với cùng mục đích sử dụng đất thuê, diện tích tính thu tiền thuê đất).

Tiền thuê đất xác định lại theo Nghị định số 121/2010/NĐ-CP, ngoài căn cứ vào giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất (trường hợp giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm cho thuê đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp) còn căn cứ vào các yếu tố như mức tỷ lệ %; địa bàn,...; cụ thể: (i) Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban

hành theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; trường hợp giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm cho thuê đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp; (ii) địa bàn: đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi đặc biệt, có lợi thế; vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn...

## 2. Về thời hạn nộp hồ sơ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 114/TTg-KTN ngày 23/01/2017, Bộ Tài chính có Công văn số 3338/BTC-QLCS ngày 14/3/2017 hướng dẫn việc tiếp tục xem xét giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013, Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011, Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đã nộp hồ sơ đến trước ngày 23/01/2017 (ngày Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 114/TTg-NN ngày 23/01/2017) nhưng chưa được giải quyết và việc chậm nộp hồ sơ không phải do nguyên nhân từ phía người được Nhà nước cho thuê đất (cơ quan nhà nước chậm xác định đơn giá thuê đất, điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định của pháp luật) như sau: Thực hiện xem xét các hồ sơ đã nộp đúng quy định từ sau ngày 31/12/2014 đến trước ngày 23/01/2017 để được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp thuộc đối tượng xem xét giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ (nhưng chưa được giải quyết) đã nộp hồ sơ theo đúng quy định trước ngày 23/01/2017 (ngày Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 114/TTg-NN ngày 23/01/2017) thì được tiếp tục xem xét giảm tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

Trường hợp thuộc đối tượng xem xét giảm tiền thuê đất theo các Nghị quyết của Chính phủ (nhưng chưa được giải quyết) đã nộp đơn đề nghị tạm giảm tiền thuê đất trước ngày 01/01/2015, nếu thực hiện nộp bổ sung hồ sơ sau ngày 23/01/2017 (ngày Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 114/TTg-NN ngày 23/01/2017) thì không thực hiện xem xét giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013, Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011, Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là những nội dung về chính sách giảm tiền thuê đất trong năm 2011, 2012 đối với các tổ chức kinh tế đang hoạt động trong các ngành sản xuất (không bao gồm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ) theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; đề nghị Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 1 Mê Kông, Tổng công

ty Xây dựng số 1 - CTCP liên hệ với các cơ quan chức năng của địa phương kèm theo các hồ sơ liên quan để được hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận: 3

- Như trên;
- VPCP (Công thông tin điện tử);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND TP HCM;
- Cục thuế TP HCM;
- TCT;
- Các Vụ: PC, CST;
- Lưu: VT, QLCS (13).

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN  
PHỐ CỤC TRƯỞNG



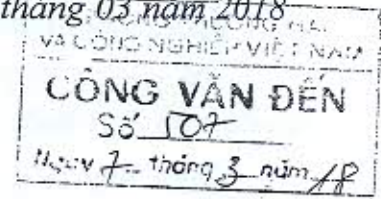
Tạ Thanh Tú

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2384/BTC-TCĐN  
V/v hướng dẫn xác định nguồn  
vốn đề có cơ sở thực hiện dự án  
đầu tư xây dựng theo quy định  
pháp luật

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018



Kính gửi: Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Bộ Tài chính nhận được công văn số 1717/VPCP-ĐMDN ngày 13/02/2018 của Văn phòng Chính phủ đề nghị xem xét, trả lời kiến nghị của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây (CTCP Cảng Chân Mây) về việc xác định loại vốn đầu tư của công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Sau khi nghiên cứu, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Việc xác định nguồn vốn đầu tư là vốn Nhà nước, vốn Nhà nước ngoài ngân sách hay vốn khác được quy định cụ thể tại Luật đầu thầu năm 2013, Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, cụ thể:

Tại Điều 4 khoản 44 tại Luật đầu thầu số 43/2013/QH13, vốn nhà nước được quy định như sau: “Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất”.

Tại khoản 14 Điều 2 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 nêu trên, vốn nhà nước ngoài ngân sách được quy định: “Vốn nhà nước ngoài ngân sách là vốn nhà nước theo quy định của pháp luật nhưng không bao gồm vốn ngân sách nhà nước”.

Việc xác định vốn ngân sách nhà nước căn cứ theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước năm 2015, cụ thể: “Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”.

Theo đó, vốn nhà nước ngoài ngân sách là các nguồn vốn không nằm trong dự toán ngân sách Nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, quy định chi tiết tại Luật đầu thầu, bao gồm: công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm

- HVĐT

- VP /

Vch

8.3.18

TH  
MR

bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất.

Trường hợp không thuộc vốn nhà nước (vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách) thì thuộc nguồn "vốn khác".

Đề nghị CTCP Cảng Chân Mây căn cứ các quy định nêu trên để xác định nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư mở rộng hệ thống bến cảng của công ty.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Công ty thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- VCCI;
- Lưu VT, Cục TCDN (08b).

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. CỤC TRƯỞNG  
CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



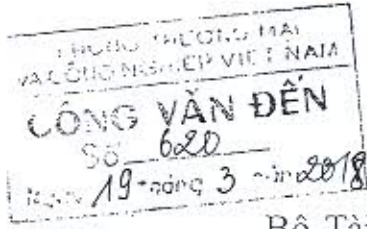
Hoàng Văn Thu

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2324/BTC-CST  
V/v trả lời kiến nghị của Công ty  
TNHH Hungking Việt Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018



Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Bộ Tài chính nhận được công văn số 2185/VPCP-ĐMDN ngày 08/3/2018 của Văn phòng Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính trả lời kiến nghị của Công ty TNHH Hungking Việt Nam do Văn phòng Chính phủ đã chuyển Bộ Tài chính kèm theo công văn số 11838/VPCP-ĐMDN ngày 6/11/2017. Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Ngày 10/11/2017, Bộ Tài chính nhận được công văn số 11383/VPCP-ĐMDN ngày 6/11/2017 của Văn phòng Chính phủ gửi kèm theo công văn số 24/CV/TT ngày 24/11/2016 của Công ty TNHH Hungking Việt Nam về việc xác định xi măng có phải sản phẩm tính thuế và chịu thuế xuất khẩu năm 2017. Bộ Tài chính đã có công văn số 15642/BTC-CST ngày 17/11/2017 trả lời Công ty TNHH Hungking Việt Nam về chính sách thuế xuất khẩu xi măng và nơi nhận có gửi Văn phòng Chính phủ (xin gửi kèm).

Kính chuyển Văn phòng Chính phủ được biết./ đv

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CST.

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hằng